

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

BẬC: Đại học

KHOA ĐỊA LÝ (ban hành kèm theo Quyết định số 758/QĐ-ĐHSP ngày 21/10/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN)

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

HỆ : Chính quy tập trung

KHÓA 2020

NGÀNH ĐÀO TẠO : Địa lý học (CN: Địa lý Du lịch) (4 năm)

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					L1	L2		
		KHỐI KIẾN THỨC CHUNG						
1	212 3 1902	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	0		
2	213 2 1901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0	0	212 3 1902	
3	212 2 1903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0	213 2 1901	
4	212 2 1904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	0	212 2 1903	
5	213 2 1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0	212 2 1904	
6	312 2 1885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	0	1		
7	316 2 1549	Pháp luật đại cương	2	2	0	0		
8	001 0 1265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)		(1)		
9	001 0 1266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)		(1)		
10	001 0 1267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)		(1)		
11	001 0 1268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)		(1)		
12	002 0 1264	Giáo dục quốc phòng	(4t)					
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	15	14	0	1		
		KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ NGÀNH						
13	311 2 1765	Thông kê thực hành	2	1	1	0		
14	319 2 1337	Khoa học môi trường đại cương	2	2	0	0		
15	320 3 1711	Tâm lý học	3	3	0	0		
16	318 3 1421	Lịch sử văn minh thế giới	3	3	0	0		
17	317 3 1091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3	0	0		
18	319 3 1954	Văn hóa và kinh tế tộc người Việt Nam	3	3	0	0		
19	319 3 1290	Hệ thống thông tin địa lý	3	1	2	0	312 2 1885	
20	319 2 1185	Địa lý tự nhiên đại cương 1	2	2	0	0		
21	319 2 1186	Địa lý tự nhiên đại cương 2	2	2	0	0		
22	319 3 1184	Địa lý tự nhiên các lục địa	3	3	0	0		
23	319 3 1188	Địa lý tự nhiên Việt Nam	3	3	0	0		
24	319 2 1177	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 1	2	2	0	0		
25	319 2 1178	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2	2	2	0	0		
26	319 3 1141	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới	3	3	0	0	319 2 1177	
27	319 3 1181	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	3	3	0	0	319 3 1178	
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	39	36	3	0		
		KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH HOẶC NGHIỆP VỤ						
28	319 2 1912	Tổng quan du lịch	2	2	0	0		
29	318 2 1708	Tài nguyên du lịch	2	2	0	0		
30	318 3 1366	Kinh tế du lịch	3	3	0	0		
31	319 3 1175	Địa lý du lịch thế giới	3	3	0	0	319 2 1912	
32	319 3 1176	Địa lý du lịch Việt Nam	3	3	0	0	319 3 1175	
33	319 2 1599	Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch	2	1	1	0		
34	318 2 1457	Marketing du lịch	2	2	0	0		
35	318 2 1661	Quy hoạch du lịch	2	2	0	0		
36	319 3 1148	Đánh giá tác động môi trường trong du lịch	3	2	1	0		
37	318 2 1551	Phát triển du lịch bền vững	2	2	0	0		
38	319 2 1222	Du lịch sinh thái	2	2	0	0		
39	318 2 1484	Nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	2	2	0	0		
40	319 2 1929	Ứng dụng công nghệ thông tin trong địa lý	2	1	1	0	312 2 1885	
41	319 2 1219	Du lịch biển đảo Việt Nam	2	2	0	0		
42	318 3 1488	Nghiệp vụ khách sạn	3	2	1	0		
43	319 2 1223	Du lịch tôn giáo tín ngưỡng	2	2	0	0		
44	319 3 1617	Tổ chức sự kiện du lịch	3	1	2	0		
45	319 3 1924	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	3	2	1	0	319 3 1176	
46	318 3 1657	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	2	1	0		
47	318 4 1487	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	4	3	1	0		

TT	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH			
48	319 3 1754	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	3	2	1	0		
49	319 2 1775	Thực địa Địa lý du lịch	2	0	2	0		
50	319 3 1839	Thực tập nghề nghiệp du lịch	3	0	3	0		
51	303 3 1847	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3	0		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	61	43	18	0		
		HỌC PHẦN TỰ CHỌN						
52	319 2 1406	Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam	2	2	0	0		
53	319 2 1169	Địa danh học và địa danh Việt Nam	2	2	0	0		
54	319 2 1940	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	2	0	0		
55	319 2 1560	Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam	2	2	0	0		
56	319 2 1431	Luật du lịch	2	2	0	0		
57	319 2 1285	Hệ thống bảo tàng và di tích ở Việt Nam	2	2	0	0		
58	319 2 1224	Du lịch văn hóa	2	2	0	0		
59	319 2 1913	Tổng quan ngành lưu trú	2	2	0	0		
60	318 2 1740	Thanh toán quốc tế	2	2	0	0		
61	319 2 1692	Thực địa tuyến điểm du lịch	2	0	2	0		
62	319 3 1021	Bản đồ học chuyên đề	3	2	1	0		
63	318 2 1221	Du lịch làng nghề	2	2	0	0		
64	319 3 1220	Du lịch cộng đồng – Homestay	3	3	0	0		
65	319 2 1867	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	2	2	0	0		
66	303 6 1338	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6	0		
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA KHỐI	36	27	9	0		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			151					
Tổng số tín chỉ bắt buộc			115					
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			15					

Ghi chú: - Phải tích lũy tối thiểu **130 tín chỉ**, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần tiên quyết là Học phần có gán dấu *.

P. TRƯỞNG KHOA

Trần Thị Ân



PGS. TS. Lưu Trang

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

BẬC: Đại học

KHOA ĐỊA LÝ (ban hành kèm theo Quyết định số 452/QĐ-ĐHSP ngày 21/11/2020 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN)

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

HỆ : Chính quy tập trung

KHÓA 2020

NGÀNH ĐÀO TẠO : Địa lý học (CN: Địa lý Du lịch) (4 năm)

HỌC KỲ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH			
					TH1	TH2		
1	311 2 1765	Thống kê thực hành	2	1	1	0		
	319 2 1337	Khoa học môi trường đại cương	2	2	0	0		
	320 3 1711	Tâm lý học	3	3	0	0		
	317 3 1091	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	3	0	0		
	319 2 1185	Địa lý tự nhiên đại cương 1	2	2	0	0		
	319 2 1912	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 1	2	2	0	0		
	319 2 1708	Tổng quan du lịch	2	2	0	0		
	319 3 1954	Tài nguyên du lịch	2	2	0	0		
		Học phần tự chọn:						
	001 0 1265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(0)	(1)		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			18	17	1	(1)		
2	212 3 1902	Triết học Mác - Lênin	3	3	0	0		
	312 2 1885	Tin học đại cương (Tin học CN1)	2	1	1	0		
	318 3 1421	Lịch sử văn minh thế giới	3	3	0	0		
	319 3 1954	Văn hóa và kinh tế tộc người Việt Nam	3	3	0	0		
	319 2 1186	Địa lý tự nhiên đại cương 2	2	2	0	0		
	319 2 1178	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương 2	2	2	0	0		
	319 3 1184	Địa lý tự nhiên các lục địa	3	3	0	0		
		Học phần tự chọn:						
	001 0 1266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(0)	(1)		
	002 0 1264	Giáo dục quốc phòng	(4t)					
319 2 1169	Địa danh học và địa danh Việt Nam	2	2	0	0			
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			20	19	1	0		
3	213 2 1901	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0	0		
	316 2 1549	Pháp luật đại cương	2	2	0	0	212 3 1902	
	318 3 1366	Kinh tế du lịch	3	3	0	0		
	319 3 1141	Địa lý kinh tế - xã hội thế giới	3	3	0	0	319 2 1177	
	319 3 1175	Địa lý du lịch thế giới	3	3	0	0	319 2 1912	
	319 3 1188	Địa lý tự nhiên Việt Nam	3	3	0	0		
		Học phần tự chọn:						
	001 0 1267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(0)	(1)		
	319 2 1940	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	2	0	0		
	319 2 1560	Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam	2	2	0	0		
Tổng số tín chỉ trong học kỳ :			20	20	0	0		
4	212 2 1903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	0	213 2 1901	
	319 3 1290	Hệ thống thông tin địa lý	3	1	2	0	312 2 1885	
	319 3 1176	Địa lý du lịch Việt Nam	3	3	0	0		
	319 3 1181	Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam	3	3	0	0	319 2 1178	
	318 2 1457	Marketing du lịch	2	2	0	0		
	318 2 1661	Quy hoạch du lịch	2	2	0	0		
	319 2 1599	Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch	2	2	0	0		
	319 2 1775	Thực địa Địa lý du lịch	2	0	2	0		



HỌC KỶ	Mã học phần	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước	Ghi chú
			TC	LT	TH			
		Học phần tự chọn:						
	001 0 1268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	0	(1)		
	319 2 1431	Luật du lịch	2	2	0	0		
	319 2 1285	Hệ thống bảo tàng và di tích ở Việt Nam	2	2	0	0		
		Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	23	19	4	0		
5	212 2 1904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	0	212 2 1903	
	319 2 1929	Ứng dụng công nghệ thông tin trong địa lý	2	1	1	0	312 2 1885	
	319 3 1488	Nghiep vụ khách sạn	3	2	1	0		
	319 3 1148	Đánh giá tác động môi trường trong du lịch	3	2	1	0		
	318 2 1551	Phát triển du lịch bền vững	2	2	0	0		
	318 2 1484	Nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch	2	2	0	0		
	319 2 1219	Du lịch biển đảo Việt Nam	2	2	0	0		
		Học phần tự chọn:						
	319 2 1224	Du lịch văn hóa	2	2	0	0		
	319 2 1913	Tổng quan ngành lưu trú	2	2	0	0		
		Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	20	17	3	0		
6	213 2 1922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	0	212 2 1904	
	319 2 1222	Du lịch sinh thái	2	2	0	0		
	319 3 1924	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	3	2	1	0	319 3 1176	
	318 3 1657	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	2	1	0		
	318 4 1487	Nghiep vụ hướng dẫn du lịch	4	3	1	0		
		Học phần tự chọn:						
	319 2 1696	Thực địa tuyển điểm du lịch	2	0	2	0		
	319 2 1021	Bản đồ học chuyên đề	3	2	1	0		
	318 2 1221	Du lịch làng nghề	2	2	0	0		
		Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	21	15	6	0		
7	319 3 1754	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	3	2	1	0		
	319 3 1617	Tổ chức sự kiện du lịch	3	1	2	0		
	319 2 1223	Du lịch tôn giáo tín ngưỡng	2	2	0	0		
	319 3 1839	Thực tập nghề nghiệp du lịch	3	0	3	0		
		Học phần tự chọn:						
	319 2 1220	Du lịch cộng đồng – Homestay	3	3	0	0		
	319 2 1867	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	2	2	0	0		
	319 2 1406	Lịch sử chủ quyền lãnh thổ Việt Nam	2	2	0	0		
	318 2 1740	Thanh toán quốc tế	2	2	0	0		
		Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	20	14	6	0		
8	303 3 1847	Thực tập tốt nghiệp	3	0	3	0		
		Học phần tự chọn:						
	303 6 1338	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	6	0		
		Tổng số tín chỉ trong học kỳ :	9	0	9	0		

Ghi chú:

- Phải tích lũy tối thiểu **130 tín chỉ**, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.

P. TRƯỞNG KHOA

Trần Thị Ân



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Lưu Trang